BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BUÔN MA THUỘT
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BUÔN MA THUỘT, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK
BAN QLDA ĐTXD BUÔN MA THUỘT

Số: 277 /PA-DABMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 23 tháng 11 năm 2026

PHƯƠNG ÁN
Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03 và N04)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật đất đai 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi đất đai của Lâm trường Cư Ma lanh bàn giao cho Uỷ ban nhân dân huyện Ea Súp quản lý, sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04);

Căn cứ Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04);

Căn cứ Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Thông báo số 268/2024/TB-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Ea Súp về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04);

Căn cứ Thông báo số 510/TB-UBND ngày 08/8/2024 huyện Ea Súp về việc hủy bỏ và điều chỉnh một phần Thông báo thu hồi đất số 268/TB-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Ea Súp;

Căn cứ Thông báo số 228/TB-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Ea Súp (cũ) về thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04);

Căn cứ Thông báo số 127/TB-UBND ngày 31/10/2025 của UBND xã Ea Súp về việc điều chỉnh một phần Thông báo số 228/TB-UBND ngày 07/5/2025 của UBND huyện Ea Súp (cũ) về thu hồi đất để thực hiện dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04);

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Lập kế hoạch triển khai:

- Thông báo đến địa phương, các tổ chức, cá nhân sử dụng đất thuộc phạm vi quy hoạch.

- Phối hợp với UBND xã Ea Súp; các tổ chức và đơn vị đo đạc để đo đạc sơ đồ giải thửa, lập hồ sơ giải thửa đối với diện tích đất thu hồi trong phạm vi giải phóng mặt bằng.

- Xác định ranh giới diện tích đất thu hồi ngoài thực địa.

2. Trình tự thực hiện:

- Triển khai thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực giải phóng mặt bằng về nội dung, kế hoạch triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Phát tờ khai, hướng dẫn kê khai đất đai, tài sản gắn liền với đất đến các tổ chức, cá nhân có đất và tài sản trên đất thu hồi.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột phối hợp với UBND xã Ea Súp, Ban tự quản Thôn 9 xã Ea Súp, các hộ dân lập biên bản kiểm đếm cây trồng xác định khối lượng, số lượng, quy cách, hạng, phân loại...tài sản bị thiệt hại trên khu đất thu hồi.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Về đất:

- Địa điểm: Thôn 11, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 06 hộ gia đình/08 thửa đất.

- Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án là 10.197,1m^2, diện tích đất đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.

- Nguyên tắc bồi thường về đất được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2024.

- Đất hộ dân đang canh tác sản xuất nông nghiệp, có nguồn gốc lấn chiếm đất của Lâm trường Cư Ma Lanh đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996 giao về cho UBND huyện Ea Súp quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Từ thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất đến nay thì địa phương vẫn chưa thực hiện quyết định trên, hộ dân vẫn đang canh tác sản xuất nông nghiệp, các hộ dân là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã sử dụng đất ổn định trước ngày 01/7/2004.

Tại cuộc họp ngày 03/11/2026, UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột thống nhất áp dụng: Điều 150 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án.

Đơn giá áp dụng căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về nhà, công trình, vật kiến trúc:

- Nguyên tắc bồi thường thiệt hại đối với nhà, công trình, vật kiến trúc thực hiện theo Điều 91 và Điều 102 Luật Đất đai năm 2024.

- Đối với tài sản được tạo lập trái quy định của pháp luật từ trước ngày 01/07/2014 thì không đủ điều kiện bồi thường theo Khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai năm 2024. Nhưng được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 ban hành kèm theo Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với tài sản được tạo lập trái quy định của pháp luật từ sau ngày 01/07/2014 thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Điều 105, Luật Đất đai năm 2024; Điểm d, Khoản 4, Điều 20 ban hành kèm theo Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Đơn giá áp dụng căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Về cây cối hoa màu:

- Nguyên tắc bồi thường thiệt hại đối với nhà, công trình, vật kiến trúc thực hiện theo Điều 91 và Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

- Đối với cây trồng đúng mật độ quy định thì đủ điều kiện bồi thường 100% đơn giá quy định.

+ Trường hợp vườn cây có trồng xen canh nhiều loại cây thì tính giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ quy định (cây trồng chính là loại cây trồng có giá trị bồi thường cao nhất hoặc cây có giá trị kinh tế cao), các loại cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ được tính hỗ trợ 80% đơn giá cây trồng cùng chủng loại, cây trồng tương đương quy định tại Quy định này. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ không được vượt quá 80% giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ.

+ Trường hợp cây trồng chính đã đủ mật độ quy định nhưng diện tích thu hồi vẫn còn thì được tính thêm cây trồng chính thứ 2, 3…(đúng mật độ) để phủ diện tích.

+ Trường hợp cây trồng chính trồng đúng quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành có quy định các loại cây được phép trồng xen đảm bảo mật độ trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác bị thu hồi thì cây trồng xen đó được tính bằng 100% đơn giá quy định tại Quyết định này.

- Đơn giá áp dụng căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: Căn cứ Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

5. Tổng kinh phí thực hiện phương án: **1.564.529.260 đồng.**

Làm tròn: **1.564.529.000 đồng.**

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn đồng.

Trong đó:

- Về đất: 372.520.300. đồng.
- Về vật kiến trúc: 36.033.340 đồng.
- Về cây cối hoa màu: 385.178.576 đồng.
- Về chính sách hỗ trợ: 770.797.044 đồng.

6. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện phương án:

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04).

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột.

- Thời gian thực hiện phương án: Năm 2026.

- Thời gian chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt phương án có hiệu lực thi hành.

- Địa điểm chi trả tiền: Trụ sở UBND xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04).

Nơi nhận:
- UBND xã Ea Súp;
- Phòng Kinh tế xã Ea Súp;
- GĐ, PGĐ Ban (Đc. Chính);
- Lưu: VT, GPMB (Trung)..

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BUÔN MA THUỘT

Trương Văn Chính

BẢNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án Đường giao thông Cụm công nghiệp Ea Lê, huyện Ea Súp (Đường số N01, N02, N03, N04)

(Kèm theo Phương án số: 277 /PA-DABMT ngày 23/11/2026 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Đồng.

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
1	**Ông Phạm Bá Hạnh - Bà Phan Thị Nhàn** **Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Ea Súp**							**462.209.648**		
a	**Đất:** Thửa 729, tờ bản đồ số 35, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	6.825,8	3.814,9				**152.596.000**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây hàng năm, vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 40.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.									
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Năm 1996 ông ông Phạm Bá Hạnh tự khai phá, lấn chiếm sử dụng đất, thời điểm lấn chiếm đất Lâm trường Cư Ma Lanh không thiết lập biên bản hay hồ sơ ban đầu về xử lý hành vi lấn chiếm. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng. Sau khi thu hồi đất, ông Phạm Bá Hạnh chưa được cơ quan nhà nước giao đất mà vẫn đang sử dụng diện tích đất lấn chiếm từ năm 1996 cho đến nay, sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây hàng năm. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 729, tờ bản đồ 35 có diện tích 6.825,8m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 3.814,9m2 đất trồng cây hàng năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp.
	* Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2		3.814,9	40.000	BT	100%	152.596.000		Căn cứ Điều 150 Luật Đất đai 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; Biên bản làm việc ngày 03/11/2026 giữa UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột
d	**Cây cối hoa màu:**							0		
	* Cây Thuốc lá, trồng năm 2024	m2		3.814,9				0		Đã thu hoạch nên không bồi thường, hỗ trợ

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**309.613.648**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dung: 3.814,9,m2/40.000m2=9,5%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 20% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		4	605.412	HT		2.421.648		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hộ		1	2.000.000	HT		2.000.000		Căn cứ Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (40.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk.	m2		3.814,9	80.000	HT		305.192.000		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
2	**Ông Trần Văn Nhật - Bà Đinh Thị Nhung Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Ea Súp**							**110.001.648**		

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
a	**Đất:** Thửa 731, tờ bản đồ số 35, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	3.028,7	896,5				**35.860.000**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây hàng năm, vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 40.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk									
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng. Năm 1998, ông Trần Văn Nhật tự khai phá, lấn chiếm diện tích đất đã được UBND tỉnh thu hồi, bàn giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý sử dụng theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996. Tại thời điểm ông Nhật lấn chiếm đất không có văn bản ngăn chặn hay ý kiến gì của cơ quan có thẩm quyền, ông Trần Văn Nhật sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây hàng năm từ năm 1998 đến nay. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 731, tờ bản đồ số 35 có diện tích 3.028,7m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 896,5m2 đất trồng cây hàng năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp
	* Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2		896,5	40.000	BT	100%	35.860.000		Căn cứ Điều 150 Luật Đất đai 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; Biên bản làm việc ngày 03/11/2026 giữa UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**74.141.648**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Biên bản làm việc ngày 19/11/2026 về việc xác minh điều chỉnh nguồn gốc đất và các nội dung liên quan.

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dung: 896,5m2/20.000m2=4,48%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 20% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		4	605.412	HT		2.421.648		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (40.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk.	m2		896,5	80.000	HT		71.720.000		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
3	**Bà Trần Thị Thu - Ông Hồ Công Quảng Địa chỉ: Thôn 11, xã Ea Súp**							**109.232.472**		
a	**Đất:** Thửa 730, tờ bản đồ số 35, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	1.070,8	880,0				**35.200.000**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây hàng năm. vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 40.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk									

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Năm 1996, ông Hồ Công Quảng và bà Trần Thị Thu tự khai phá, lấn chiếm sử dụng đất, thời điểm lấn chiếm đất Lâm trường Cư Ma Lanh không thiết lập biên bản hay hồ sơ ban đầu về xử lý hành vi lấn chiếm. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng. Sau khi thu hồi đất, ông Hồ Công Quảng chưa được cơ quan nhà nước giao lại đất sử dụng mà vẫn đang sử dụng diện tích đất lấn chiếm từ năm 1996 cho đến nay và sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 730, tờ bảo đồ số 35, có diện tích là 1.070,8m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 880,0m2 đất trồng cây hàng năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp
	* Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2		880,0	40.000	BT	100%	35.200.000		Căn cứ Điều 150 Luật Đất đai 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; Biên bản làm việc ngày 03/11/2026 giữa UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**74.032.472**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dụng: 880,0m2/50.000m2=1,7%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 20% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		6	605.412	HT		3.632.472		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (40.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk.	m2		880,0	80.000	HT		70.400.000		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
4	**Ông Hà Văn Khuông - Ông Nông Thị Nở** **Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Ea Súp**							**170.314.612**		
a	**Đất:** Thửa 721, tờ bản đồ số 35, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	1.624,2	761,1				**23.594.100**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây lâu năm, vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 31.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk									
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Năm 1990, ông Nguyễn Đức Chinh tự khai phá, lấn chiếm sử dụng đất, thời điểm lấn chiếm đất Lâm trường Cư Ma Lanh không thiết lập biên bản hay hồ sơ ban đầu về xử lý hành vi lấn chiếm. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng. Sau khi Nhà nước thu hồi đất, ông Nguyễn Đức Chinh chưa được cơ quan nhà nước giao lại đất mà vẫn đang sử dụng diện tích đất lấn chiếm trước đó. Đến năm 2002 ông Nguyễn Đức Chinh chuyển nhượng diện tích đất lấn chiếm cho ông Hà Văn Khuông bằng giấy viết tay, ông Hà Văn Khuông sử dụng trồng cây hàng năm từ thời điểm năm 2002 đến năm 2019. Từ năm 2020 đến nay ông Khuông sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 730, tờ bản đồ 35, có diện tích 1.624,2m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 761,1m2 đất trồng cây lâu năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Bồi thường đất trồng cây lâu năm	m2		761,1	31.000	BT	100%	23.594.100		Căn cứ Điều 150 Luật Đất đai 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; Biên bản làm việc ngày 03/11/2026 giữa UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột
d	**Cây cối hoa màu:**							**95.716.076**		Đơn giá căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	Cây trồng chính trồng đúng mật độ								**81.396.076**	
	* Điều cao sản trồng năm 2020	cây		21	3.875.000	BT	100%	81.375.000	81.375.000	Mật độ 280 cây/ha (21 cây/750m2)
	* Keo trồng năm 2008	cây		1	21.076	BT	100%	21.076	21.076	
	Tổng giá trị hỗ trợ cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ là 14.320.000 đồng, không vượt quá 80% giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ là 65.116.861 đồng (81.396.076 đồng x 80%) nên hỗ trợ 80% cây trồng cùng chủng loại, cây trồng tương đương.								**14.320.000**	Căn cứ Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Điều cao sản trồng năm 2020	cây		4	3.875.000	HT	80%	12.400.000	12.400.000	
	* Xoài ghép trồng năm 2014	cây		1	2.400.000	HT	80%	1.920.000	1.920.000	
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**51.004.436**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dung: 761,1m2/35.000m2=2,17%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 20% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		3	605.412	HT		1.816.236		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.
	* Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hộ		1	2.000.000	HT		2.000.000		Căn cứ Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk.
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (31.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk.	m2		761,1	62.000	HT		47.188.200		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
5	**Ông Nguyễn Đức Chinh và bà Lô Thị Bằng Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Ea Súp**							**625.970.408**		
a	**Đất:** Thửa 720, 722, tờ bản đồ số 35, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	7.620,4	3.168,2				**98.214.200**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây lâu năm, vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 31.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025									

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Năm 1990, ông Nguyễn Đức Chinh tự khai phá, lấn chiếm sử dụng đất, thời điểm lấn chiếm đất Lâm trường Cư Ma Lanh không thiết lập biên bản hay hồ sơ ban đầu về xử lý hành vi lấn chiếm. Ngày 12/12/1996, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý, sử dụng. Sau khi Nhà nước thu hồi đất, ông Nguyễn Đức Chinh chưa được cơ quan nhà nước giao lại đất mà vẫn đang quản lý sử dụng diện tích đất lấn chiếm từ năm 1990 đến nay. Từ năm 1990 đến năm 2014 ông Chinh sử dụng thửa đất trên vào mục đích trồng cây hàng năm. Từ năm 2015 đến nay ông Chinh sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây lâu năm. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 720 và 722, tờ bản đồ 35, có diện tích 7.620,4m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 3.168,2m2 đất trồng cây lâu năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp
	* Bồi thường đất trồng cây lâu năm	m2		3.168,2	31.000	BT	100%	98.214.200		Căn cứ Điều 150 Luật Đất đai 2024; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; Biên bản làm việc ngày 03/11/2026 giữa UBND xã Ea Súp và Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột
c	**Vật kiến trúc:** Xây dựng năm 2012, không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về việc xây dựng trái phép.							**36.033.340**		Căn cứ Điểm c, Khoản 4, Điều 20 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* **Mái che:** Nền đất, cột gỗ vuông 15cm, mái lợp tôn thiếc, diện tích (4,0 x 4,8)m2. Đơn giá: TĐ Mái che 11a, Phụ lục II Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk	m2		19,2	491.000	HT	50%	4.713.600		
	* **Nhà tạm:** Không xếp đá hộc quanh móng, khung gỗ chịu lực nhóm IV, vách ván bao che nhóm IV, nền đất, không đóng trần, mái lợp tôn thiết, diện tích (7,5 x 3,4)m2. Đơn giá: TĐ Nhà 12c, Phụ lục II Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk	m2		25,5	1.430.000	HT	50%	18.232.500		

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* **Nhà tắm:** Móng xây gạch, tường xây gạch không tô trát, nền láng xi măng, diện tích (2,8 x 2,2)m2, không mái. Đơn giá: TĐ 50% Nhà 13.1a, Phụ lục II Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk Cách tính: 3.046.000 x 50%	m2		6,2	1.523.000	HT	50%	4.690.840		
	* **Mái che (cho Trâu):** Nền láng vữa xi măng M50 diện tích 15,8m2, dày 2cm không đánh màu, cột gỗ tròn + vuông, mái lợp tôn thiếc diện tích 24m2. Đơn giá: TĐ Mái che 11b, Phụ lục II Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk	m2		24	699.700	HT	50%	8.396.400		
d	**Cây cối hoa màu:**							**289.462.500**		Đơn giá căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	Thửa đất số 720: Trồng trên diện tích 130,3m2									
	* Xà cừ trồng tháng 4/2025	cây		9				0		Căn cứ Khoản 6, Điều 76; khoản 2, điều 105 Luật Đất đai năm 2024; Không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ
	Thửa đất số 722: Trồng trên diện tích 2.962,9m2 (sau khi trừ diện tích xây dựng công trình, vật kiến trúc)									
	Cây trồng đúng mật độ								**160.812.500**	
	* Điều thường trồng 2020, loại C Cách tính: 3.875.000 x 50%	cây		83	1.937.500	BT	100%	160.812.500	160.812.500	Mật độ 280 cây/ha (83 cây/2.962,9m2)
	Tổng giá trị hỗ trợ cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ là 169.870.817 đồng, vượt quá 80% giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ là 128.650.000 đồng (160.812.500 đồng x 80%) nên tính 80% giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ							128.650.000	**169.870.817**	Căn cứ Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Điều thường trồng năm 2020, loại C Cách tính: 3.875.000 x 50%	cây		99	1.937.500	HT	80%		153.450.000	

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Điều thường trồng năm 2022, loại C Cách tính: 1.253.000 x 50%	cây		18	626.500	HT	80%		9.021.600	
	* Xà cừ trồng năm 2020	cây		35	150.693	HT	80%		4.219.404	
	* Xà cừ trồng tháng 4/2025	cây		28						Căn cứ Khoản 6, Điều 76; khoản 2, điều 105 Luật Đất đai năm 2024; Không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ
	* Cây Si, gốc Ø 40cm, cao >5m, trồng năm 2015	cây		1	2.706.000	HT	80%		2.164.800	
	* Cây Bồ đề, gốc Ø 20cm, cao >3m, trồng năm 2015	cây		1	1.195.000	HT	80%		956.000	
	* Cây Lá chua, gốc Ø 20cm, cao >4m, trồng năm 2015 Cách tính: TĐ cây Lồng mức	cây		1	73.766	HT	80%		59.013	
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**202.260.368**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dụng: 3.168,2m2/15.000m2=21,1%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 70% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		4	2.118.942	HT		8.475.768		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hộ		1	2.000.000	HT		2.000.000		Căn cứ Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (31.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk. - Diện tích đất được hỗ trợ sau khi trừ diện tích xây dựng công trình, vật kiến trúc	m2		3.093,3	62.000	HT		191.784.600		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
6	**Ông Hà Minh Thứ và bà Bế Thị Nhi Địa chỉ cư trú: Thôn 11, xã Ea Súp**							**86.800.472**		
a	**Đất:** Thửa 719 và 94, tờ bản đồ số 35, 86, xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)	m2	2.844,8	676,4				**27.056.000**		
	Vị trí đất: Đất trồng cây hàng năm, vị trí 2, xã Ea Súp, có giá 40.000 đồng/m2 - Căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.									
	Nguồn gốc sử dụng đất: Đất Nhà nước giao cho Lâm trường Cư Ma Lanh quản lý. Ông Tân Thương, cư trú tại thị trấn Ea Súp tự khai phá, lấn chiếm sử dụng đất không rõ thời gian, thời điểm lấn chiếm đất, Lâm trường Cư Ma Lanh không thiết lập biên bản hay hồ sơ ban đầu về xử lý hành vi lấn chiếm. Đến năm 1996, ông Tân Thương chuyển nhượng lại cho ông Hà Minh Đăng giấy tờ viết tay. Ngày 12/12/1996 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Lâm trường Cư Ma Lanh giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý. Sau khi Nhà nước thu hồi đất, ông Hà Minh Đăng chưa được cơ quan nhà nước giao lại đất mà vẫn đang sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng do lấn chiếm trước đó. Đến năm 1998 ông Hà Minh Đăng cho tặng con trai là ông Hà Minh Thứ sử dụng diện tích đất (không có giấy tờ). Ông Hà Minh Thứ sử dụng ổn định vào mục đích trồng cây hàng năm từ năm 1998 đến nay. - Trích lục bản đồ địa chính là thửa đất số 719 và 94, tờ bản đồ 35 và 86, có diện tích 2.844,8m2. - Diện tích giải phóng mặt bằng là 676,4m2 đất trồng cây hàng năm đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/12/1996.									Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp); Công văn số 1707/UBND-KT ngày 13/8/2026 của UBND xã Ea Súp.

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2		676,4	40.000	BT	100%	27.056.000		Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/11/2026; Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ
d	**Cây cối hoa màu:**							**0**		
	* Lúa trồng năm 2024	m2		80,4				0		Đã thu hoạch nên không bồi thường, hỗ trợ
e	**Chính sách hỗ trợ:**							**59.744.472**		Căn cứ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã Ea Lê (nay là xã Ea Súp)
	* Hỗ trợ ổn định đời sống (thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng), không phải di chuyển chỗ ở. - Tổng diện tích đất thu hồi/Tổng diện tích nông nghiệp sử dung: 676,4m2/7.200m2=9%. Cách tính: (30kg gạo x 16.817 đồng x nhân khẩu x 6 tháng) x 20% - Giá Gạo tẻ theo đơn giá tại Báo cáo số 869/BC-STC ngày 04/11/2026 của Sở Tài chính.	Khẩu		6	605.412	HT		3.632.472		Căn cứ Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 10 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hộ		1	2.000.000	HT		2.000.000		Căn cứ Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 13 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
	* Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Cách tính: (40.000 đồng/m2 x 2 lần) - Giá đất căn cứ Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhây dân tỉnh Đắk Lắk.	m2		676,4	80.000	HT		54.112.000		Căn cứ Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk

STT	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	Phần xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng diện tích	KL; SL BT, HT	Đơn giá	Hình thức	Tỉ lệ % HT;BT	Thành tiền	Giá trị hỗ trợ cây trồng xen, cây trồng chính vượt mật độ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*6*5	10	11
	* Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.									Bàn giao mặt bằng trước thời hạn sẽ phê duyệt phương án bổ sung theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quyết định số 26/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk
Tổng cộng:								**1.564.529.260**		

Tổng kinh phí thực hiện phương án: **1.564.529.260**

Làm tròn: **1.564.529.000**

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn đồng.

Trong đó:

* Về đất: 372.520.300
* Về vật kiến trúc: 36.033.340
* Về cây cối hoa màu: 385.178.576
* Về chính sách hỗ trợ: 770.797.044

Người Thực hiện	Người kiểm tra	Phòng GPMB&PTQĐ	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Trung	Đào Thị Thanh Thuỷ	Võ Quang Thành	Trương Văn Chính